CNIOSH
SINCE 1979

VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG
VIETNAM NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH
PHÂN VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG
BRANCH OF NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH IN THE CENTRAL VIETNAM

Địa chỉ: 178 Triệu Nữ Vương,
P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0236 3584427; 0236 3822831
Fax: 0236 3584427
Website: cniosh.vn

Số/No : 2967/2026/PKQ-MT (26.1067)

Ngày/Date: 28/07/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Khách hàng (*Client*): **BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC QUẢNG NAM**
2. Địa chỉ *(Address)*: **24 Lê Hữu Trác, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng**
3. Ngày thu mẫu (*Date of sampling*): 09/07/2026 Loại mẫu (*Type of sample*): Nước sinh hoạt
4. Số lượng mẫu (*Quantity of sample*): 01 Ký hiệu mẫu (*Sign of sample*): NSH1
5. Kết quả thử nghiệm (*Results*):

TT *(No)*	Thông số *(Test properties)*	Phương pháp thử nghiệm *(Test methods)*	ĐVT *(Unit)*	Kết quả *(Test results)*	QCVN 01-1:2024/BYT
				NSH1	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Mùi vị[(1)]	SOP-HT-40/CNIOSH	-	Không mùi	***Không có mùi lạ***
2	Độ đục[(1)]	SMEWW 2130B:2023	NTU	< 0,5	***2***
3	Độ màu[(1)]	SMEWW 2120C:2023	TCU	< 10	***15***
4	pH[(1)]	TCVN 6492:2011	-	7,1	***6 ÷ 8,5***
5	Amoni (NH_4^+)[(1)]	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,10	***1***
6	Asen tổng số (As)[(1)]	SMEWW 3113B:2023	mg/L	< 0,006	***0,01***
7	Chỉ số pecmanganat[(1)]	TCVN 6186:1996	mg/L	< 0,5	***2***
8	Clo dư[(1)]	SOP-HT-35/CNIOSH	mg/L	0,25	***0,2 ÷ 1***
9	Pseudomonas aeruginosa[(4)]	ISO 16266:2006	CFU/100mL	KPH (<1)	***1***
10	Staphylococcus aureus[(4)]	SMEWW 9213B:2023	CFU/100mL	KPH (<1)	***1***
11	Tổng Coliforms[(4)]	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2026	CFU/100mL	KPH (<1)	***1***
12	E.Coli[(4)]	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2026	CFU/100mL	KPH (<1)	***1***

Ghi chú *(Note)*:
- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
- Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- [(4)]: Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 2 – Vilas 023
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Vị trí thu mẫu:

Chỉ tiêu: (1) được công nhận bởi Phòng Công nhận chất lượng BoA; (2) được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 071
(3) đủ điều kiện đo môi trường lao động theo QĐ 1408/MT-LĐ của Bộ Yt

- NSH1: Mẫu nước tại bể chứa ngầm tầng trệt khu ngoại 5 tầng; dung tích 300m^3

TRƯỞNG PHÒNG *(Chief of Technical department)*	**PHÂN VIỆN TRƯỞNG** (*Director*)
CN. Trần Thị Kim Anh	**PGS.TS. Lê Minh Đức**

CNIOSH
SINCE 1979

VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG
VIETNAM NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH
PHÂN VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG
BRANCH OF NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH IN THE CENTRAL VIETNAM

Địa chỉ: 178 Triệu Nữ Vương,
P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0236 3584427; 0236 3822831
Fax: 0236 3584427
Website: cniosh.vn

Số/No : 2968/2026/PKQ-MT (26.1067)

Ngày/Date: 28/07/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Khách hàng (*Client*): **BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC QUẢNG NAM**
2. Địa chỉ *(Address)*: **24 Lê Hữu Trác, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng**
3. Ngày thu mẫu (*Date of sampling*): 09/07/2026 Loại mẫu (*Type of sample*): Nước sinh hoạt
4. Số lượng mẫu (*Quantity of sample*): 01 Ký hiệu mẫu (*Sign of sample*): NSH2
5. Kết quả thử nghiệm (*Results*):

TT *(No)*	Thông số *(Test properties)*	Phương pháp thử nghiệm *(Test methods)*	ĐVT *(Unit)*	Kết quả *(Test results)*	QCVN 01-1:2024/BYT
				NSH2	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Mùi vị[(1)]	SOP-HT-40/CNIOSH	-	Khồn mùi	***Không có mùi lạ***
2	Độ đục[(1)]	SMEWW 2130B:2023	NTU	< 0,5	***2***
3	Độ màu[(1)]	SMEWW 2120C:2023	TCU	< 10	***15***
4	pH[(1)]	TCVN 6492:2011	-	7,3	***6 ÷ 8,5***
5	Amoni (NH_4^+)[(1)]	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,10	***1***
6	Asen tổng số (As)[(1)]	SMEWW 3113B:2023	mg/L	< 0,006	***0,01***
7	Chỉ số pecmanganat[(1)]	TCVN 6186:1996	mg/L	< 0,5	***2***
8	Clo dư[(1)]	SOP-HT-35/CNIOSH	mg/L	0,27	***0,2 ÷ 1***
9	Pseudomonas aeruginosa[(4)]	ISO 16266:2006	CFU/100mL	KPH (<1)	***1***
10	Staphylococcus aureus[(4)]	SMEWW 9213B:2023	CFU/100mL	KPH (<1)	***1***
11	Tổng Coliforms[(4)]	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2026	CFU/100mL	KPH (<1)	***1***
12	E.Coli[(4)]	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2026	CFU/100mL	KPH (<1)	***1***

Ghi chú *(Note):*
- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
- Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- [(4)]: Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 2 – Vilas 023
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Vị trí thu mẫu:

Chỉ tiêu: (1) được công nhận bởi Phòng Công nhận chất lượng BoA; (2) được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 071
(3) đủ điều kiện đo môi trường lao động theo QĐ 1408/MT-LĐ của Bộ Yté

- NSH2: Mẫu nước tại bể chứa ngầm tầng trệt khu nội 7 tầng; dung tích 140m^3

TRƯỞNG PHÒNG *(Chief of Technical department)*	**PHÂN VIỆN TRƯỞNG** (*Director*)
CN. Trần Thị Kim Anh	**PGS.TS. Lê Minh Đức**

- CNIOSH
SINCE 1979

VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG
VIETNAM NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH
PHÂN VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG
BRANCH OF NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH IN THE CENTRAL VIETNAM

Địa chỉ: 178 Triệu Nữ Vương,
P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0236 3584427; 0236 3822831
Fax: 0236 3584427
Website: cniosh.vn

Số/No : 2969/2026/PKQ-MT (26.1067)

Ngày/Date: 28/07/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Khách hàng (*Client*): **BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC QUẢNG NAM**
2. Địa chỉ *(Address)*: **24 Lê Hữu Trác, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng**
3. Ngày thu mẫu (*Date of sampling*): 09/07/2026 Loại mẫu (*Type of sample*): Nước sinh hoạt
4. Số lượng mẫu (*Quantity of sample*): 01 Ký hiệu mẫu (*Sign of sample*): NSH3
5. Kết quả thử nghiệm (*Results*):

TT *(No)*	Thông số *(Test properties)*	Phương pháp thử nghiệm *(Test methods)*	ĐVT *(Unit)*	Kết quả (*Test results*)	QCVN 01-1:2024/BYT
				NSH3	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Mùi vị[1]	SOP-HT-40/CNIOSH	-	Không mùi	***Không có mùi lạ***
2	Độ đục[1]	SMEWW 2130B:2023	NTU	< 0,5	***2***
3	Độ màu[1]	SMEWW 2120C:2023	TCU	< 10	***15***
4	pH[1]	TCVN 6492:2011	-	7,2	***6 ÷ 8,5***
5	Amoni (NH_4^+)[1]	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,10	***1***
6	Asen tổng số (As)[1]	SMEWW 3113B:2023	mg/L	< 0,006	***0,01***
7	Chỉ số pecmanganat[1]	TCVN 6186:1996	mg/L	< 0,5	***2***
8	Clo dư[1]	SOP-HT-35/CNIOSH	mg/L	0,2	***0,2 ÷ 1***
9	Pseudomonas aeruginosa[4]	ISO 16266:2006	CFU/ 100mL	KPH (<1)	***1***
10	Staphylococcus aureus[4]	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH (<1)	***1***
11	Tổng Coliforms[4]	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2026	CFU/100mL	KPH (<1)	***1***
12	E.Coli[4]	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2026	CFU/100mL	KPH (<1)	***1***

Ghi chú *(Note):*
- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
- Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- [4]: Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 2 – Vilas 023
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Vị trí thu mẫu:

- NSH3: Mẫu nước tại vòi khu vệ sinh tầng 2 khu ngoại 5 tầng

TRƯỞNG PHÒNG *(Chief of Technical department)*	**PHÂN VIỆN TRƯỞNG** *(Director)*
CN. Trần Thị Kim Anh	**PGS.TS. Lê Minh Đức**

VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VÀ VỆ SINH LAO ĐỘNG
VIETNAM NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH
PHÂN VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG
BRANCH OF NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL SAFETY AND HEALTH IN THE CENTRAL VIETNAM

CNIOSH SINCE 1979

Địa chỉ: 178 Triệu Nữ Vương, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0236 3584427; 0236 3822831
Fax: 0236 3584427
Website: cniosh.vn

Số/No : 2970/2026/PKQ-MT (26.1067)

Ngày/Date: 28/07/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Khách hàng (*Client*): **BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC QUẢNG NAM**
2. Địa chỉ *(Address)*: **24 Lê Hữu Trác, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng**
3. Ngày thu mẫu (*Date of sampling*): 09/07/2026 Loại mẫu (*Type of sample*): Nước sinh hoạt
4. Số lượng mẫu (*Quantity of sample*): 01 Ký hiệu mẫu (*Sign of sample*): NSH4
5. Kết quả thử nghiệm (*Results*):

TT *(No)*	Thông số *(Test properties)*	Phương pháp thử nghiệm *(Test methods)*	ĐVT *(Unit)*	Kết quả (*Test results*)	QCVN 01-1:2024/BYT
				NSH4	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Mùi vị[1]	SOP-HT-40/CNIOSH	-	Không mùi	***Không có mùi lạ***
2	Độ đục[1]	SMEWW 2130B:2023	NTU	< 0,5	***2***
3	Độ màu[1]	SMEWW 2120C:2023	TCU	< 10	***15***
4	pH[1]	TCVN 6492:2011	-	7,3	***6 ÷ 8,5***
5	Amoni (NH_4^+)[1]	TCVN 6179-1:1996	mg/L	< 0,10	***1***
6	Asen tổng số (As)[1]	SMEWW 3113B:2023	mg/L	< 0,006	***0,01***
7	Chỉ số pecmanganat[1]	TCVN 6186:1996	mg/L	< 0,5	***2***
8	Clo dư[1]	SOP-HT-35/CNIOSH	mg/L	0,21	***0,2 ÷ 1***
9	Staphylococcus aureus[4]	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH (<1)	***1***
10	Tổng Coliforms[4]	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2026	CFU/100mL	KPH (<1)	***1***
11	E.Coli[4]	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2026	CFU/100mL	KPH (<1)	***1***

Ghi chú *(Note):*
- Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm thu mẫu
- Không giải quyết khiếu nại sau 7 ngày kể từ ngày ký kết quả
- [4]: Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện - Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 2 – Vilas 023
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Vị trí thu mẫu:

Chỉ tiêu: (1) được công nhận bởi Phòng Công nhận chất lượng BoA; (2) được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 071
(3) đủ điều kiện đo môi trường lao động theo QĐ 1408/MT-LĐ của Bộ Y tế

- NSH4: Mẫu nước tại vòi khu vệ sinh tầng 1 khu nội 7 tầng

TRƯỞNG PHÒNG *(Chief of Technical department)*	**PHÂN VIỆN TRƯỞNG** (*Director*)
CN. Trần Thị Kim Anh	**PGS.TS. Lê Minh Đức**